TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/DS–ST

Ngày: 04-6-2021

V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Vũ
- Ông Dương Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2021/TLST–DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST–DS ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Võ Hồng C, sinh năm 1963; địa chỉ: 423/TB ấp TB, xã TT, huyện B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Bị đơn: anh Bùi Văn S, sinh năm 1976; chị Lê Thị Riêu E, sinh năm 1981; địa chỉ: 264/4 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Riêu E ủy quyền cho anh S tham gia tố tụng. Anh S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Võ Hồng C trình bày:

Từ năm 2015 anh S có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc xử lý của của hàng ông; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Khi mua bán hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản nhưng hai bên thỏa thuận phía ông có nghĩa vụ giao hàng trước cho anh S và anh S có cam kết sẽ trả đủ tiền cho ông khi nào thu hoạch tôm xong. Thời gian đầu do nuôi tôm có lãi nên anh S thanh toán tiền đầy đủ cho ông; từ năm 2017 đến năm 2020 mỗi lần anh S thu hoạch tôm cũng trả tiền cho ông nhưng không trả hết số nợ của mỗi vụ nuôi. Đến ngày 17/10/2020 anh S có ký "Giấy nhận và cam kết trả nợ"

cho ông với nội dung hiện nay anh S còn nợ ông số tiền 579.942.000 đồng. Do việc nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế chung trong gia đình nên chị Lê Thị Riêu E là vợ anh S cũng biết việc này. Do đó nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Văn S và chị Lê Thị Riêu E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền 579.942.000 đồng; ông yêu cầu trả 01 lần; không yêu cầu tính lãi.

Theo nội dung Bản tự khai ngày 06/5/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn Bùi Văn S đồng thời được sự ủy quyền của chị Lê Thị Riêu E trình bày: Từ năm 2015 anh có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc xử lý của ông Võ Hồng C; mục đích để nuôi tôm thẻ chân trắng. Khi mua bán hai bên không lập hợp đồng bằng văn bản nhưng hai bên thỏa thuận phía ông C có nghĩa vụ giao hàng cho anh trước và anh có cam kết sẽ trả đủ tiền cho ông C khi nào thu hoạch tôm xong. Thời gian đầu do nuôi tôm có lãi nên anh thanh toán tiền đầy đủ cho ông C; đến năm 2017 do nuôi tôm thua lỗ nên anh mất khả năng thanh toán. Đến ngày 17/10/2020 anh có ký "Giấy nhận và cam kết trả nợ" cho ông C với nội dung hiện nay anh còn nợ ông C số tiền 579.942.000 đồng đúng với nội dung "Giấy nhận và cam kết trả nợ" mà ông C đã cung cấp cho Tòa án. Do việc nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế chung trong gia đình nên vợ anh là Lê Thị Riêu E cũng biết việc này. Qua yêu cầu khởi kiện của ông C anh có ý kiến sau: anh đồng ý liên đới với chị Riêu E để trả cho ông C số tiền 579.942.000 đồng nhưng do hiện giờ hoàn cảnh anh quá khó khăn nên khi nào nuôi tôm có lãi anh và chị Riêu E sẽ trả đủ số tiền nêu trên cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Bùi Văn S và Lê Thị Riêu E hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 264/4 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: ông Võ Hồng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Văn S và chị Lê Thị Riêu E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông C số tiền 579.942.000 đồng. Anh S đồng ý liên đới với chị Riêu E để trả cho ông C số tiền 579.942.000 đồng nhưng nhưng do hiện giờ hoàn cảnh anh quá khó khăn nên khi nào nuôi tôm có lãi anh và chị Riêu E sẽ trả đủ số tiền nêu trên cho ông C.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C xét thấy: hợp đồng mua bán tài sản giữa ông C và anh S được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Chứng cứ là sự thừa nhận của anh S đồng thời được sự ủy quyền của chị Riêu E về việc hiện nay anh S và chị Riêu E còn nợ

ông C số tiền 579.942.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện anh S, chị Riêu E đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó việc ông Võ Hồng C yêu cầu anh Bùi Văn S và chị Lê Thị Riêu E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Hồng C số tiền nợ 579.942.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do ông C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của anh S, xét thấy: anh S, chị Riêu E đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông C trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông C; mặc khác anh S không chứng minh được gia đình đang gặp khó khăn và ông C không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của anh S. Do đó yêu cầu trả nợ dần của anh S không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Anh Bùi Văn S và chị Lê Thị Riêu E phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: 20.000.000 đồng + 4% x (579.942.000 đồng- 400.000.000 đồng) = 27.197.680 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng C. Buộc anh Bùi Văn S và chị Lê Thị Riêu E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Hồng C số tiền là 579.942.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Bùi Văn S và chị Lê Thị Riêu E có nghĩa vụ liên đới chịu 27.197.680 đồng.

Ông Võ Hồng C được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.598.840 đồng theo biên lai thu số 0000767 ngày 22 tháng 4 năm 2021.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ